

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

Số: *27* /NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Giang, ngày *16* tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của tỉnh Hà Giang;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang và Báo cáo thẩm tra số 22/BC-KTNS ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất (bổ sung đợt 2) năm 2021, trên địa bàn tỉnh Hà Giang cụ thể như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng gồm 44 công trình, dự án trong đó:

- Tổng diện tích thu hồi: 92,624 ha;
- Tổng kinh phí bồi thường: 88,742 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, vì lợi ích công cộng: gồm 21 công trình, trong đó: 11,089 ha đất trồng lúa; 9,015 ha đất rừng phòng hộ; tổng kinh phí bồi thường là 60.553 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVIII, Kỳ họp thứ Hai thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu -UBTVQH;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT. Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, HĐND (1b).

CHỦ TỊCH



Thào Hồng Sơn

PHỤ LỤC I

Danh mục các công trình, dự án thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng (bổ sung đợt 2) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
	Toàn tỉnh		92,624	11,089	-	9,015	72,519	88.742	31.054	32.234	25.454	
I	TP. HÀ GIANG		7,255	0,536	-	-	6,719	23.953	7.653	16.300	-	
1	Dự án kè và đường hai bên bờ sông Miện đoạn từ cầu suối Tiên đến cầu 3/2 thuộc dự án: Chương trình phát triển đô thị loại II Xanh	Phường Ngọc Hà, Quang Trung	2,617				2,617	5.600		5.600		
2	Dự án Kè bờ Tây Sông Lô thuộc dự án chương trình phát triển đô thị loại II Xanh	Thôn Cầu Mè, xã Phương Thiện	0,959				0,959	6.500		6.500		
3	Dự án mở rộng nghĩa trang xã Ngọc Đường	Thôn Bản Tù, xã Ngọc Đường	0,375	0,086			0,289	4.200		4.200		
4	Dự án: Đập dâng nước tạo cảnh quan trung tâm thành phố Hà Giang	P. Nguyễn Trãi, Minh Khai	1,784				1,784	131	131			

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
5	Trụ sở Chi cục Chăn nuôi và thú y tỉnh Hà Giang	Tổ 8, phường Ngọc Hà	0,277				0,277	2.022	2.022			
6	Văn phòng làm việc + Sân tennis tại khuôn viên nhà thi đấu thể thao của Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh Hà Giang	Tổ 4, phường Quang Trung	0,043				0,043					
7	Xây dựng trung tâm sản xuất chương trình phát thanh truyền hình tỉnh Hà Giang	Xã Phương Thiện	1,20	0,45			0,75	5.500	5.500			
II	H. ĐỒNG VĂN		3,660	0,500	-	-	3,160	4.450	-	4.450	-	
1	Nâng cấp, mở rộng chợ trung tâm xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn (Giai đoạn 1). Hạng mục: Công + Sân bê tông, cải tạo Nhà lớp học thành Nhà chợ	Xã Lũng Cú	2,26	0,50			1,76	1.500		1.500		
2	Nâng cấp, mở rộng chợ trung tâm xã Sủng Trái, huyện Đồng Văn. Hạng mục: Sân úi mặt bằng + Sân bê tông	Xã Sủng Trái	0,40				0,40	450		450		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
3	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Má Lè, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. Hạng mục: Nhà làm việc, nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ	Xã Má Lè	1,00				1,00	2.500		2.500		
III	H. MÈO VẠC		5,249	-	-	0,015	5,234	3.540	2.500	460	580	
1	Trạm Y tế xã Lũng Pù	Xã Lũng Pù	0,50				0,50	60		60		
2	Trạm Y tế xã Khâu Vai	Xã Khâu Vai	0,50				0,50	40		40		
3	Trạm Y tế xã Cán Chu Phìn	Xã Cán Chu Phìn	0,50				0,50	60		60		
4	Cấp điện thôn Khai Hoang I,II xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc	Xã Thượng Phùng, huyện Mèo Vạc	0,01				0,01	50			50	
		Thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn	0,03				0,03					
5	Cấp nước sinh hoạt thôn Sàng Pà A thị trấn Mèo Vạc	Thị trấn Mèo Vạc	0,20				0,20	500			500	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
6	Cải tạo, Nâng cấp đoạn Km13 - Km 17 và Km 36 + 183 - Km 46 + 00, ĐT. 176 (Yên Minh - Mậu Duệ - Mèo Vạc), tỉnh Hà Giang.	Xã Sùng Trà, Tả Lũng, TT Mèo Vạc	3,35				3,35	2.500	2.500			
7	Công viên cây xanh thể dục, thể thao	TT. Mèo Vạc	0,145				0,145	300		300		
8	Kết nối lưới điện trung thế các huyện Bảo Lâm - Bắc Mê; Bảo Lâm - Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Xã Niêm Sơn, Tát Ngà	0,015			0,015		30			30	
IV	H. YÊN MINH		48,732	6,19	-	-	42,542	17.480	-	700	16.780	
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ thùy điện Bát Đại Sơn đi các thôn Na Pồ, Sáo Hồ và Mốc 345, xã Na Khê, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang; Hạng mục: Đường – Tràn liên hợp qua suối	Xã Na Khê	2,09				2,09	700		700		
2	Sửa chữa đột xuất xử lý điểm đen TNGT tại đoạn Km100+700 ÷ Km101+200, QL.4C địa phận tỉnh Hà Giang	Xã Hữu Vinh	2,00				2,00	450	-	-	450	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
3	Xử lý các điểm tiềm ẩn TNGT tại Km75+600, Km 77+400, Km82+400-Km82+800, Km88+500, Km91+500-Km92+500 QL 4C tỉnh Hà Giang	Huyện Yên Minh	15,00	-	-	-	15,00	330			330	
4	Thủy điện Sông Nhiệm 3 - Hạng mục lòng hồ	Các xã Mậu Long, Ngọc Long	26,52	5,50			21,02	3.500			3.500	
5	Thủy điện Nậm Lang	Các xã Lũng Hồ, Du Già, Du Tiến, Ngam La, Mậu Duệ, Đông Minh	3,122	0,69			2,432	12.500			12.500	
V	H. QUẢN BẠ		13,337	0,50	-	9,00	3,837	21.523	20.293	780	450	
1	Dự án: Nâng Cấp, mở rộng đường từ Km3+00 (đường Nghĩa Thuận-Tùng Pàng) đi thôn Phín Ứng, Khùng Cáng, xã Nghĩa Thuận, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	Xã Nghĩa Thuận	3,837				3,837	780		780		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
2	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai bảo vệ trường tiểu học, khu dân cư đường biên giới từ UBND xã Tà Ván đi Pao Mã Phìn, Mã Hoàng Phìn, mốc 272/2, mốc 276, huyện Quán Bạ, tỉnh Hà Giang	Xã Tà Ván	9,00			9,00		20.293	20.293			
3	Xử lý điểm nguy cơ mất ATGT (đèo dốc công trời Quán Bạ) KM44+500 - Km46+600, QL4C, tỉnh Hà Giang	Các xã Huyện Quán Bạ	0,50	0,50				450			450	
VI	H. VỊ XUYÊN		6,70	0,60	-	-	6,10	1.108	608	-	500	
1	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Xã Thanh Thủy	4,20	0,60			3,60	608	608			
2	Sửa chữa đột xuất xử lý điểm đen TNGT tại đoạn Km20+300 đến Km21+300	Xã Minh Tân	2,50				2,50	500			500	
VII	H.XÍN MÀN		0,413	0,158	-	-	0,255	450	-	-	450	
1	Tuyến đường dây điện đấu nối cụm nhà máy thủy điện Quảng Nguyên - Nậm Là - đường dây 110kv Nà Chì vào lưới điện quốc gia	Các xã Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Nà Chì	0,413	0,158			0,255	450			450	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
VIII	H. QUANG BÌNH		1,66	1,59	-	-	0,07	870	-	70	800	
1	Cấp điện chiếu sáng thôn Lũng Lý	Xã Xuân Minh	0,07	0,02			0,05	50		50		
2	Cấp điện chiếu sáng xóm Nặm Mòn, thôn Tiên Yên	Xã Bằng Lang	0,04	0,02			0,02	20		20		
3	Thủy điện Xuân Minh	Xã Tiên Nguyên	1,55	1,55				800			800	
IX	H. BẮC QUANG		5,619	1,015	-	-	4,603	15.368	-	9.474	5.894	
1	Cấp điện cho thôn Chang, thôn Pha, thôn Khuổi Thuối, thôn Lâm xã Đồng Tâm	Xã Đồng Tâm	0,56	0,06			0,50	473		473		
2	Nâng cấp, cải tạo khu thể thao trung tâm xã	Xã Đồng Tâm	0,323	0,323				500		500		
3	Cấp điện cho thôn Nà Ôm, thôn Tân Thành 2, xã Liên Hiệp	Xã Liên Hiệp	0,05	0,03			0,02	560		560		
4	Cấp điện cho thôn Hồng Quân, thôn Việt Thành xã Việt Hồng	Xã Việt Hồng	0,03				0,03	516		516		
5	Nâng cấp cải tạo khu thể thao xã	Xã Việt Hồng	0,04				0,04	1.250		1.250		
6	Xây dựng khu tập kết bãi trung chuyển rác thải	Xã Việt Hồng	0,41				0,41	1.200		1.200		

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
7	Cấp điện cho thôn Thấp, thôn Lâm, thôn Ca, thôn Me Hạ, xã Vô Điểm	Thôn Thấp, xã Vô Điểm	0,10	0,01			0,09	1.290		1.290		
8	Cải tạo, mở rộng nâng cấp Trường mầm non trung tâm xã	Xã Vô Điểm	0,015				0,015	250		250		
9	Cải tạo, nâng cấp Chợ trung tâm xã	Xã Vô Điểm	0,339	0,334			0,005	935		935		
10	Xây dựng khu tập kết, trung chuyển rác thải	Xã Vô Điểm	0,38	0,18			0,20	500		500		
11	Nâng cấp, cải tạo sân vận động thành Công viên trung tâm thị trấn Việt Quang	Thị trấn Việt Quang	1,199				1,199	2.000		2000		
12	Thủy điện Sông Lô 4 - khu vực lòng hồ (bổ sung)	Xã Tân Thành	2,173	0,078			2,095	5.894			5.894	

PHỤ LỤC II

Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất theo Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai để thực hiện dự án đầu tư (bổ sung đợt 2) năm 2021 trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 27 /NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
	<i>Toàn tỉnh</i>		55,690	11,089	-	9,015	35,585	60.553	26.401	10.028	24.124	
I	TP. HÀ GIANG		1,575	0,536	-	-	1,039	9.700	5.500	4.200	-	
1	Dự án mở rộng nghĩa trang xã Ngọc Đường	Thôn Bản Tày, xã Ngọc Đường	0,375	0,086			0,289	4.200		4.200		
2	Xây dựng trung tâm sản xuất chương trình phát thanh truyền hình tỉnh Hà Giang	Xã Phương Thiện	1,20	0,45			0,75	5.500	5.500			
II	H. ĐÔNG VÂN		2,26	0,50	-	-	1,76	1.500	-	1.500	-	
1	Nâng cấp, mở rộng chợ trung tâm xã Lũng Cú, huyện Đông Vân (Giai đoạn 1). Hạng mục: Công + Sân bê tông, cải tạo Nhà lớp học thành Nhà chợ	Xã Lũng Cú	2,26	0,50			1,76	1.500		1.500		
III	H. MÈO VẠC		0,015	-	-	0,015	-	30	-	-	30	



Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
1	Kết nối lưới điện trung thế các huyện Bảo Lâm - Bắc Mê; Bảo Lâm - Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	Xã Niêm Sơn, Tát Ngà	0,015			0,015		30			30	
IV	H. YÊN MINH		29,642	6,19	-	-	23,452	16.000	-	-	16.000	
1	Thủy điện Sông Nhiệm 3 - Hạng mục lòng hồ	Các xã Mậu Long, Ngọc Long	26,52	5,50			21,02	3.500			3.500	
2	Thủy điện Nậm Lang	Các xã Lũng Hồ, Du Già, Du Tiến, Ngam La, Mậu Duệ, Đông Minh	3,122	0,69			2,432	12.500			12.500	
V	H. QUẢN BẠ		9,50	0,50	-	9,00	-	20.743	20.293	-	450	
1	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai bảo vệ trường tiểu học, khu dân cư đường biên giới từ UBND xã Tả Ván đi Pao Mã Phìn, Mã Hoàng Phìn, mốc 272/2, mốc 276, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	Xã Tả Ván	9,00			9,00		20.293	20.293			

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
2	Xử lý điểm nguy cơ mất ATGT (đèo dốc cống trời Quán Bạ) KM44+500 - Km46+600, QL4C, tỉnh Hà Giang	Huyện Quán Bạ	0,50	0,50				450			450	
VI	H. VỊ XUYÊN		6,70	0,60	-	-	6,10	1.108	608	-	500	
1	Cấp điện nông thôn từ điện lưới quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang	Xã Thanh Thủy	4,20	0,60			3,60	608	608			
2	Sửa chữa đột xuất xử lý điểm đen TNGT tại đoạn Km20+300 đến Km21+300	Xã Minh Tân	2,50				2,50	500			500	
VII	H. XÍN MẢN		0,413	0,158	-	-	0,255	450	-	-	450	
1	Tuyến đường dây điện đấu nối cụm nhà máy thủy điện Quảng Nguyên - Nậm Lá - đường dây 110kv Nà Chì vào lưới điện quốc gia	Xã Quảng Nguyên, Khuôn Lùng, Nà Chì	0,413	0,158			0,255	450			450	
VIII	H. QUANG BÌNH		1,66	1,59	-	-	0,07	870	-	70	800	
1	Cấp điện chiếu sáng thôn Lùng Lý	Xã Xuân Minh	0,07	0,02			0,05	50		50		
2	Cấp điện chiếu sáng xóm Nậm Mòn, thôn Tiên Yên	Xã Bằng Lang	0,04	0,02			0,02	20		20		
3	Thủy điện Xuân Minh	Xã Tiên Nguyên	1,55	1,55				800			800	

Số TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thu hồi đất	Tổng diện tích thu hồi (ha)	Chia ra các loại đất				Tổng kinh phí (dự kiến) bồi thường (triệu đồng)	Nguồn vốn			Ghi chú
				Diện tích đất trồng lúa (ha)	Diện tích đất rừng đặc dụng (ha)	Diện tích đất rừng PH (ha)	Diện tích đất khác (ha)		Tỉnh (triệu đồng)	Huyện (triệu đồng)	Nguồn vốn khác (triệu đồng)	
IX	H. BẮC QUANG		3,925	1,015	-	-	2,91	10.152	-	4.258	5.894	
1	Cấp điện cho thôn Chang, thôn Pha, thôn Khuổi Thuối, thôn Lâm xã Đồng Tâm	Xã Đồng Tâm	0,56	0,06			0,50	473		473		
2	Nâng cấp, cải tạo khu thể thao trung tâm xã	Xã Đồng Tâm	0,323	0,323				500		500		
3	Cấp điện cho thôn Nà Ôm, thôn Tân Thành 2, xã Liên Hiệp	Xã Liên Hiệp	0,05	0,03			0,02	560		560		
4	Cấp điện cho thôn Thíp, thôn Lâm, thôn Ca, thôn Me Hạ, xã Vô Điểm	Thôn Thíp, xã Vô Điểm	0,10	0,01			0,09	1.290		1.290		
5	Cải tạo, nâng cấp Chợ trung tâm xã	Xã Vô Điểm	0,339	0,334			0,005	935		935		
6	Xây dựng khu tập kết, trung chuyển rác thải	Xã Vô Điểm	0,38	0,18			0,20	500		500		
7	Thủy điện Sông Lô 4 - khu vực lòng hồ (bổ sung)	Xã Tân Thành	2,173	0,078			2,095	5.894			5.894	